

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TÂN HOÀNG MINH

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TÂN HOÀNG MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAN HOANG MINH HIGH TECHNOLOGY AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THM HTA.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109669776

3. Ngày thành lập: 15/06/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 24 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02435772308

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
2.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản.	6820
3.	Trồng lúa	0111
4.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
5.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
6.	Trồng cây mía	0114
7.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
8.	Trồng cây lấy sợi	0116
9.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
10.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
11.	Trồng cây hàng năm khác	0119
12.	Trồng cây ăn quả	0121
13.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
14.	Trồng cây điều	0123
15.	Trồng cây hồ tiêu	0124
16.	Trồng cây cao su	0125
17.	Trồng cây cà phê	0126
18.	Trồng cây chè	0127
19.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128

20.	Trồng cây lâu năm khác	0129
21.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
22.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
23.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
24.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
25.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
26.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
27.	Chăn nuôi gia cầm	0146
28.	Chăn nuôi khác	0149
29.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
30.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
31.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
32.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
33.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
34.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
35.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
36.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
37.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
38.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
39.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
40.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
41.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
42.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
43.	Sản xuất đường	1072
44.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
45.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
46.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
47.	Sản xuất chè	1076
48.	Sản xuất cà phê	1077
49.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
50.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
51.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
52.	Sản xuất rượu vang	1102
53.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
54.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
55.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
56.	Sản xuất sợi	1311
57.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
58.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313

59.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
60.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
61.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
62.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
63.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
64.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
65.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
66.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
67.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
68.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
69.	Sản xuất giày, dép	1520
70.	Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
71.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
72.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
73.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
74.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
75.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
76.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
77.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
78.	In ấn	1811
79.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
80.	Sao chép bản ghi các loại	1820
81.	Sản xuất than cốc	1910
82.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
83.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
84.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
85.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
86.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
87.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
88.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
89.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
90.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
91.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
92.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
93.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

94.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
95.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
96.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
97.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
98.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
99.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
100.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
101.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
102.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
103.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
104.	Đúc sắt, thép	2431
105.	Đúc kim loại màu	2432
106.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
107.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
108.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
109.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
110.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
111.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
112.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
113.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
114.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
115.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
116.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
117.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
118.	Sản xuất đồng hồ	2652
119.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
120.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
121.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
122.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
123.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
124.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
125.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
126.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
127.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
128.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750

129.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
130.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
131.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
132.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
133.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
134.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
135.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
136.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
137.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
138.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
139.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
140.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
141.	Sản xuất máy luyện kim	2823
142.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
143.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
144.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
145.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
146.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
147.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
148.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
149.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
150.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
151.	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	3020
152.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
153.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
154.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
155.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
156.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
157.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
158.	Sản xuất nhạc cụ	3220
159.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
160.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
161.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
162.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290

163.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
164.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
165.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
166.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
167.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
168.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
169.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
170.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
171.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
172.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
173.	Bốc xếp hàng hóa	5224
174.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
175.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
176.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
177.	Dịch vụ đóng gói	8292
178.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
179.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật (Điều 28 - Luật thương mại 2005)	8299

6. Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 30.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHÁCH SẠN TÂN HOÀNG MINH	Tầng 16, Tòa nhà Vincom Center TP Hồ Chí Minh, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	15.300. 000	153.000.000.00 0	51,000	0301002561	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	15.300. 000	153.000.000.00 0	51,000		
2	ĐỖ ANH DŨNG	143/7C Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.200. 000	102.000.000.00 0	34,000	023133367	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	10.200. 000	102.000.000.00 0	34,000		

3	ĐỖ HOÀNG VIỆT	143/7C Xô Viết - Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.250.000	22.500.000.000	7,500	C2120999
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.250.000	22.500.000.000	7,500	
4	ĐỖ HOÀNG MINH	143/7C Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.250.000	22.500.000.000	7,500	079088001415
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.250.000	22.500.000.000	7,500	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ MẠNH DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 20/01/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001085003322

Ngày cấp: 19/10/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: *Tổ 17, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 17, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội